

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2022

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Vũ Thị Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn Độ T, xã Đại H, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Độ T, xã Đại H, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được UBND xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/02/2078. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra bất hoà, cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau, một phần do kinh tế gia đình, bà D đã bỏ vào nhà con trai ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông Đ nhận thấy tình cảm giữa ông và bà D

không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên có đơn này khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 03 con chung là Nguyễn Xuân D, sinh năm 1982; Nguyễn Xuân M, sinh năm 1984 và Nguyễn Xuân T, sinh năm 1986. Hiện nay các đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn bà Đỗ Thị D trình bày:*

+ Về thời gian và điều kiện kết hôn như ông Đ đã trình bày là đúng. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng là do ông Đ chơi bời trai gái không quan tâm đến bà, thường xuyên chửi bới hắt hủi bà, do không chịu đựng được ông Đ nên năm 2016 bà đã phải bỏ về sống cùng con trai, hai ông bà sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Bà D xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Đ không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, đến nay ông Đ là người làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật còn bà không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Bà D xác định lời trình bày của ông Đ về số lượng con chung, ngày tháng năm sinh của các con chung là đúng. Hiện các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh với lãnh đạo UBND xã Đại Hợp, Trưởng thôn Độ Trung và Công chức tư pháp xã thể hiện:* Ông Đ và bà D có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại xã vào ngày 12/02/1978, sau đó sinh sống làm ăn tại xã. Trong quá trình ông bà sinh sống tại địa phương chưa lần nào địa phương nhận được đơn đề nghị hòa giải mâu thuẫn vợ chồng từ phía ông Đ hay bà D, tuy nhiên từ năm 2016 đến nay không hiểu lý do vì sao ông bà sống ly thân. Đến nay ông Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà D thì quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Đ và bà D vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Xuân Đ được ly hôn bà Đỗ Thị D; Về án phí: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Xuân Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa ông và bà Đỗ Thị D, tại thời điểm thụ lý vụ án bà D sinh sống tại Thôn Độ T, xã Đại H, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị D đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông Đ và bà D đều có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ, bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hợp vào ngày 12/02/1978 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài (khoảng 38 năm) thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo ông Đ trình bày do ông bà bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau còn bà D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ chơi bời, trai gái, không quan tâm hắt hủi bà và việc ly hôn là do ông Đ nên bà không nhất trí ly hôn. Xét thấy mặc dù ông Đ và bà D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn có sự khác nhau nhưng điều đó chứng tỏ giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn, ông bà không lựa chọn cách để hóa giải mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà lại chọn cách sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, như vậy thể hiện cả ông Đ và bà D đã thực sự không thiết tha cuộc sống vợ chồng, không muốn chung sống với nhau nữa nên tại lời khai của ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của ông Đ để xử cho ông Đ được ly hôn bà D là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 03 con chung là Nguyễn Xuân D, sinh năm 1982; Nguyễn Xuân M, sinh năm 1984 và Nguyễn Xuân T, sinh năm 1986. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: ông Đ và bà D không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Đ khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Tuy nhiên ông Đ thuộc trường

hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí cho ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Xuân Đ được ly hôn bà Đỗ Thị D.

2. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Nguyễn Xuân Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai , báo cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị D được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành